ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
Nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế: Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐN (văn bản thay thế); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND (bãi bỏ).

2. Nội dung so sánh:

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
1. Phạm vi điều chỉnh Khoản 1 Điều 1: Quy định đối tượng nộp lệ phí, tổ chức thu, mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	**1. Phạm vi điều chỉnh** Khoản 1 Điều 1: Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	**1. Phạm vi điều chỉnh** Điều 1: Quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc nhiều lĩnh vực, trong đó có xây dựng.	**1. Phạm vi điều chỉnh** 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức thu lệ phí cấp mới, điều chỉnh, gia hạn và cấp lại giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.	Thống nhất chính sách trên toàn địa bàn thành phố. Dự thảo tập trung vào mức thu 0 đồng và trách nhiệm thực hiện; không tiếp tục quy định cơ chế tổ chức thu đối với khoản lệ phí này.

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
2. Đối tượng áp dụng Khoản 2 và khoản 4 Điều 1: Chủ đầu tư công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.	**2. Đối tượng áp dụng** Khoản 2 và khoản 5 Điều 1: Chủ đầu tư công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng; các đơn vị cấp giấy phép xây dựng được phân cấp, ủy quyền.	**2. Đối tượng áp dụng** Khoản 2 Điều 1: Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (trừ đối tượng được miễn theo pháp luật); cơ quan được giao thu và chủ thể liên quan.	**2. Đối tượng áp dụng** 2. Đối tượng áp dụng a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp mới, điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai. b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai, bao gồm cơ quan được phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật. c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Xác định đầy đủ người thực hiện thủ tục và cơ quan giải quyết. Dùng tên gọi theo thẩm quyền pháp luật quy định để phù hợp việc phân cấp, ủy quyền; không giới hạn đối tượng theo phương thức nộp hồ sơ.
3. Mức thu cấp mới nhà ở riêng lẻ Điểm a khoản 5 Điều 1: 75.000 đồng/01 giấy phép; mức này đồng thời áp dụng đối với điều chỉnh giấy phép nhà ở riêng lẻ.	**3. Mức thu cấp mới nhà ở riêng lẻ** Điểm b khoản 3 Điều 1: 75.000 đồng/giấy phép/lần đối với xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời nhà ở riêng lẻ, kể cả giấy phép xây dựng có thời hạn.	**3. Mức thu cấp mới nhà ở riêng lẻ** Điểm b khoản 1 Điều 2: Mức thu bằng 0% mức thu tại Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND đối với thủ tục trực tuyến thuộc phạm vi áp dụng.	**3. Mức thu cấp mới nhà ở riêng lẻ** a) Cấp mới giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ: 0 đồng/giấy phép.	Chuyển từ mức thu 75.000 đồng sang 0 đồng đối với trường hợp đang phải nộp; kế thừa mức thu 0 đồng đã áp dụng cho thủ tục trực tuyến tại địa bàn Đồng Nai trước hợp nhất và mở rộng áp dụng chung.

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
4. Mức thu cấp mới công trình khác Điểm b khoản 5 Điều 1: 150.000 đồng/01 giấy phép; mức này đồng thời áp dụng đối với điều chỉnh giấy phép công trình xây dựng khác.	**4. Mức thu cấp mới công trình khác** Điểm a khoản 3 Điều 1: 150.000 đồng/giấy phép/lần đối với xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời công trình và dự án, kể cả giấy phép xây dựng có thời hạn công trình.	**4. Mức thu cấp mới công trình khác** Điểm b khoản 1 Điều 2: Mức thu bằng 0% mức thu theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND đối với thủ tục trực tuyến thuộc phạm vi áp dụng.	**4. Mức thu cấp mới công trình khác** b) Cấp mới giấy phép xây dựng đối với công trình khác: 0 đồng/giấy phép.	Quy định mức thu 0 đồng cho công trình khác, áp dụng thống nhất. Hai nghị quyết trước đây cùng có mức 150.000 đồng; sự khác biệt chính sách còn nằm ở điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, miễn và phương thức trực tuyến.
5. Điều chỉnh giấy phép xây dựng Điểm a, b khoản 5 Điều 1: Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/01 giấy phép; công trình xây dựng khác: 150.000 đồng/01 giấy phép.	**5. Điều chỉnh giấy phép xây dựng** Điểm c khoản 3 Điều 1: 20.000 đồng/giấy phép/lần.	**5. Điều chỉnh giấy phép xây dựng** Điểm b khoản 1 Điều 2: Mức thu bằng 0% mức thu tại Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND đối với thủ tục trực tuyến thuộc phạm vi áp dụng.	**5. Điều chỉnh giấy phép xây dựng** c) Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: 0 đồng/giấy phép/lần.	Xóa sự khác biệt về mức thu điều chỉnh giữa các địa bàn; giảm về 0 đồng, không phân loại nhà ở riêng lẻ và công trình khác khi thực hiện thủ tục điều chỉnh.
6. Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng Điểm c khoản 5 Điều 1: 15.000 đồng/lần.	**6. Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng** Điểm c khoản 3 Điều 1: 20.000 đồng/giấy phép/lần.	**6. Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng** Điểm b khoản 1 Điều 2: Mức thu bằng 0% mức thu tại Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND đối với thủ tục trực tuyến thuộc phạm vi áp dụng.	**6. Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng** c) Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: 0 đồng/giấy phép/lần.	Thống nhất mức thu 0 đồng, thay cho mức 15.000 đồng và 20.000 đồng tại các nghị quyết trước đây; giảm nghĩa vụ lệ phí đối với trường hợp còn phải nộp.

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
7. Phương thức nộp hồ sơ và chính sách giảm Không quy định mức thu riêng theo phương thức nộp hồ sơ trong Nghị quyết này; chính sách trực tuyến được quy định bổ sung tại Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND.	**7. Phương thức nộp hồ sơ và chính sách giảm** Điểm d khoản 3 Điều 1: Có chính sách giảm 50% trong 06 tháng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực nhằm khuyến khích dịch vụ công trực tuyến; sau 06 tháng áp dụng lại 100% mức thu tại điểm a, b, c.	**7. Phương thức nộp hồ sơ và chính sách giảm** Quy định chính sách mức thu đối với dịch vụ công trực tuyến; riêng lệ phí cấp giấy phép xây dựng thuộc điểm b khoản 1 Điều 2 áp dụng 0%.	**7. Phương thức nộp hồ sơ và chính sách giảm** Mức thu nêu trên áp dụng thống nhất trên toàn địa bàn thành phố Đồng Nai, không phân biệt phương thức nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.	Chuyển sang mức thu 0 đồng cho mọi phương thức nộp hồ sơ; đơn giản hóa việc xác định mức thu. Chính sách giảm 06 tháng của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND là chính sách có thời hạn, không được dùng làm mức thu chung lâu dài.
8. Chính sách miễn lệ phí Khoản 3 Điều 1: Miễn cho người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật; hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo tỉnh Đồng Nai.	**8. Chính sách miễn lệ phí** Khoản 4 Điều 1: Những người được cấp giấy phép xây dựng làm nhà ở, bao gồm: Bố, mẹ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ; thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ nghèo; người khuyết tật, người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	**8. Chính sách miễn lệ phí** Điểm a khoản 2 Điều 1 loại trừ đối tượng đã được miễn thu phí, lệ phí theo pháp luật khỏi đối tượng sử dụng dịch vụ công trực tuyến chịu chính sách mức thu của Nghị quyết.	**8. Chính sách miễn lệ phí** Dự thảo không quy định riêng danh mục miễn lệ phí; áp dụng mức thu 0 đồng đối với toàn bộ đối tượng, thủ tục thuộc phạm vi điều chỉnh.	Mọi đối tượng thuộc phạm vi dự thảo đều không phải nộp khoản lệ phí này. Không cần thủ tục xác định diện miễn để áp dụng mức thu 0 đồng; không diễn đạt đây là bãi bỏ quyền được hưởng chính sách ưu đãi của nhóm đối tượng trước đây.

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
9. Thực hiện mức thu, quản lý hồ sơ Khoản 4, 6 Điều 1: Cơ quan cấp phép là tổ chức thu; nộp 100% số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.	**9. Thực hiện mức thu, quản lý hồ sơ** Khoản 5 Điều 1: Đơn vị cấp phép được phân cấp, ủy quyền thực hiện thu lệ phí.	**9. Thực hiện mức thu, quản lý hồ sơ** Áp dụng chính sách mức thu trực tuyến; các nội dung thu, nộp, quản lý khác thực hiện theo quy định có liên quan.	**9. Thực hiện mức thu, quản lý hồ sơ** 4. Thực hiện mức thu lệ phí a) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng không tổ chức thu lệ phí đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết, thống kê và theo dõi hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.	Do mức thu bằng 0 đồng, không phát sinh số thu từ các thủ tục thuộc dự thảo. Cơ quan vẫn phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ cấp phép, quản lý và theo dõi hồ sơ; việc xử lý số thu trước thời điểm có hiệu lực thực hiện theo quy định áp dụng tương ứng.

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
10. Tổ chức triển khai và giám sát Điều 2: UBND tỉnh triển khai; Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND giám sát. Đề nghị MTTQ và các tổ chức thành viên giám sát, vận động Nhân dân tham gia.	**10. Tổ chức triển khai và giám sát** Điều 2: UBND tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND giám sát.	**10. Tổ chức triển khai và giám sát** Điều 3: Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện, giám sát đối với chính sách phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến.	**10. Tổ chức triển khai và giám sát** Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai mức thu lệ phí và cập nhật thống nhất mức thu 0 đồng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố; kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết theo quy định. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Kế thừa cơ chế triển khai, giám sát; bổ sung nhiệm vụ công khai và cập nhật mức thu 0 đồng trên hệ thống nhằm thống nhất thực hiện, tránh tiếp tục yêu cầu thanh toán theo mức cũ.

Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
11. Hiệu lực và xử lý văn bản trước đây Điều 3: Có hiệu lực từ 01/01/2021; thay thế Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017.	**11. Hiệu lực và xử lý văn bản trước đây** Điều 2: Có hiệu lực từ 20/12/2022; thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.	**11. Hiệu lực và xử lý văn bản trước đây** Điểm b khoản 1 Điều 2 là nội dung liên quan trực tiếp đến lệ phí cấp giấy phép xây dựng; các nội dung còn lại điều chỉnh khoản phí, lệ phí khác.	**11. Hiệu lực và xử lý văn bản trước đây** Điều 3. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm … . 2. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết sau đây: a) Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. b) Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. 3. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Thay thế toàn bộ hai nghị quyết về lệ phí cấp giấy phép xây dựng, chỉ bãi bỏ nội dung tương ứng tại Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND.